

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU INTERNATIONAL

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU INTERNATIONAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL IMPORT EXPORT AND CONSTRUCTION MATERIAL PRODUCT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INTERNATIONAL CMI CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107783547

3. Ngày thành lập: 30/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, phố Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
2.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
9.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
10.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
11.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
12.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
13.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
14.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
15.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
16.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
17.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
18.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

19.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
20.	Xây dựng công trình công ích	4220
21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
24.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
25.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
26.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
27.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
29.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
30.	Vận tải đường ống	4940
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
32.	Cho thuê xe có động cơ	7710
33.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
34.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
39.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
40.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
41.	Đúc sắt, thép	2431
42.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
43.	Sản xuất máy luyện kim	2823
44.	Thu gom rác thải độc hại	3812
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
48.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224

51.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
52.	Khai thác và thu gom than non	0520
53.	Khai thác quặng sắt	0710
54.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722(Chính)
55.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
56.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
57.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
58.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
61.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
64.	Sản xuất than cốc	1910
65.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
66.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
67.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
68.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
69.	Bán buôn tổng hợp	4690
70.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
71.	Khai thác muối	0893
72.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
74.	Sản xuất rượu vang	1102
75.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
76.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
77.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
78.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
79.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
80.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
81.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
82.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
83.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
84.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
85.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
86.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
87.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

88.	Xây dựng nhà các loại	4100
89.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
90.	Phá dỡ	4311
91.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
92.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
93.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
94.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
95.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
96.	Đúc kim loại màu	2432
97.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
98.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
99.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
100.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
101.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
102.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
103.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
104.	Tái chế phế liệu	3830
105.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
106.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
107.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
108.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
109.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
110.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
111.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
112.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
113.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
114.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
115.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
116.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.	6820

6. Vốn điều lệ: 38.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Thôn 8, Xã Minh Xuân, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	11.400.000.000	30,000	060729389	
2	LÊ HOÀI NAM	Số 42, phố Hàng Bồ, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	26.600.000.000	70,000	013648232	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 060729389

Ngày cấp: 26/12/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 8, Xã Minh Xuân, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 308, nhà B5, KĐT Mỹ Đình 1, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội